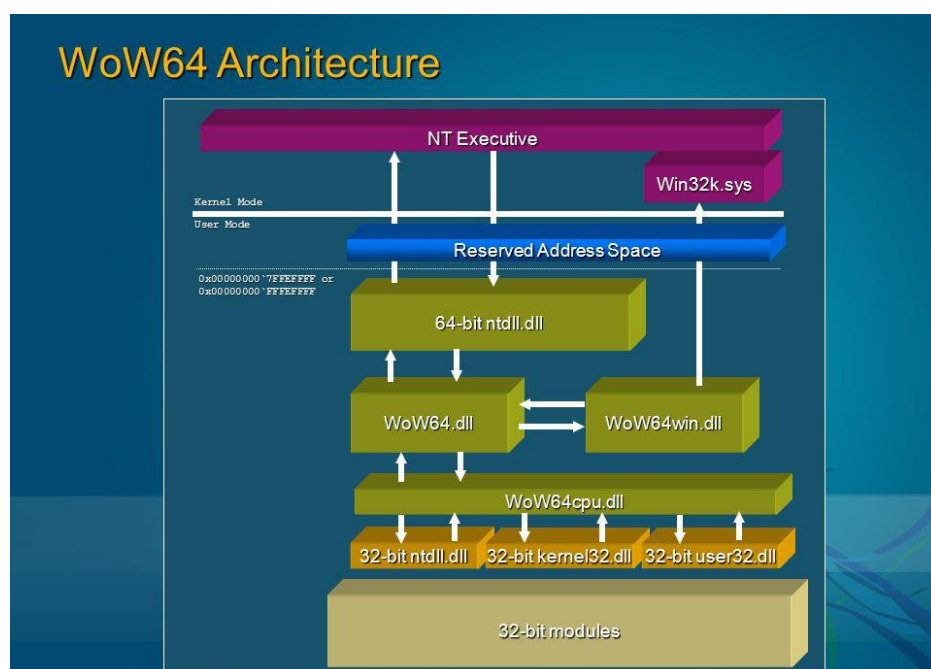


“**Heaven’s Gate**” là tên thường gọi của một kỹ thuật cho phép binary 32-bit thực thi các lệnh 64-bit mà không cần tuân theo luồng xử lý chuẩn trên môi trường WoW64 (*Windows 32-bit on Windows 64-bit*). WoW64. Hay có thể hiểu đơn giản, Heaven's Gate như là một sandbox nhằm hỗ trợ các ứng dụng 32-bit chạy liền mạch trên Windows 64-bit. Các tiến trình WoW64 thường gồm hai phiên bản của `ntdll.dll`. Đầu tiên là phiên bản 32-bit (được tải từ thư mục `SysWow64`), nó giúp chuyển tiếp các lời gọi hệ thống (system calls) tới môi trường WoW64. Thứ hai là phiên bản 64-bit (được tải từ thư mục `System32`), tiếp nhận thông tin từ môi trường WoW64 và chịu trách nhiệm chuyển đổi user-mode sang kernel-mode. Bên cạnh đó là một số các DLLs đặc biệt khác, bao gồm: `wow64.dll`, `wow64cpu.dll`, `wow64win.dll`.



Hình 1: Mô hình kiến trúc của WoW64

Nguồn: <https://slideplayer.com/slide/4482200/>

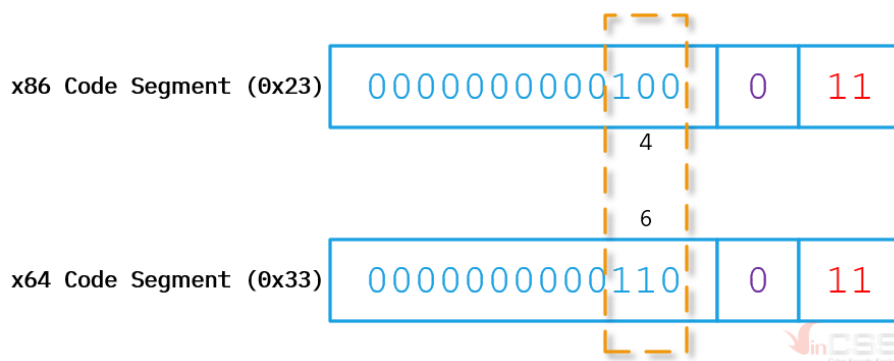
Với kiến trúc trên, có thể thấy bản thân một tiến trình 32-bit không thể nhìn phần 64-bit và bị giới hạn trong việc sử dụng các DLLs 64-bit. Do đó, nếu một mã độc 32-bit muốn thực hiện inject vào tiến trình 64-bit, bắt buộc phải sử dụng các hàm API 64-bit. Làm thế nào để các mã độc giải quyết được bài toán này? Khá đơn giản, ở chế độ real mode, CPU có một thanh ghi đoạn (segment register) 16-bit, thanh ghi này được nhân với 16 (bằng cách dịch trái 4 bit) sau đó cộng thêm với địa chỉ đầu vào để cung cấp một địa chỉ 20 bit, cho phép khả năng truy cập toàn bộ 1 MB bộ nhớ. Tuy nhiên, ở chế độ protected mode, việc phân chia có sự khác biệt đáng kể. Thanh ghi đoạn lúc này không chiếm cả 16-bit, nó được chia thành 3 phần: Bộ chọn segment (Segment Selector), TI (Chỉ định bảng mô tả - Table Indicator), và RPL (Mức đặc quyền yêu cầu – Request Privilege Level):

- ◆ Segment Selector (13 bits), quy định lúc nào GDT ([Global Descriptor Table](#))/LDT ([Local Descriptor Table](#)) được sử dụng.
- ◆ TI (1 bit), quy định bảng mô tả nào sẽ được sử dụng (0 cho GDT, 1 cho LDT).
- ◆ RPL (2 bit), quy định mức bảo vệ hiện đang sử dụng bởi CPU. Đây là cách CPU theo dõi mức đặc quyền của các thao tác đang thực thi.

Các process trên môi trường Windows 64-bit đều có 2 đoạn mã (code segment): segment 0x23 tương ứng với chế độ x86 và segment 0x33 tương ứng với chế độ x64. Để chuyển sang chế độ 64-bit, không cần thay đổi code segment thành 0x33, chỉ đơn giản bằng cách thay đổi bit trong segment selector. Việc thay đổi segment selector sẽ không ảnh hưởng tới các trường TI hay RPL nói trên.

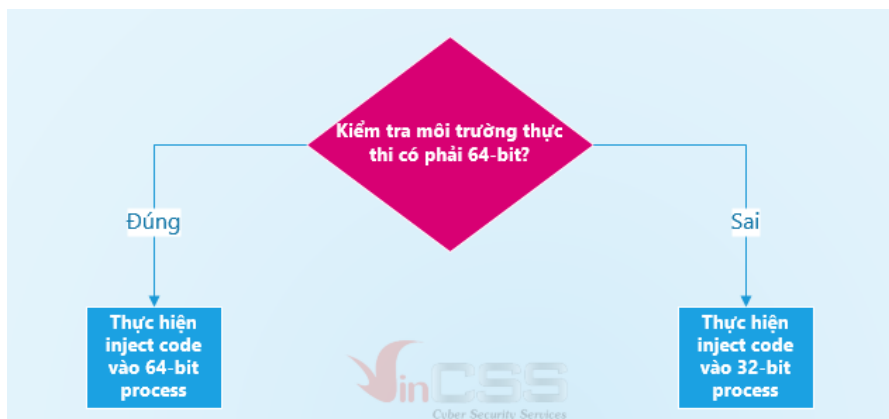
- ◆ 0x23 biểu diễn ở nhị phân: 0010 0011
- ◆ 0x33 biểu diễn ở nhị phân: 0011 0011

Như vậy, chỉ cần thay đổi phần segment selector từ 4 thành 6:



Hình 2: Biểu diễn code segment

Do đó, thông qua việc thay đổi lựa chọn segment, hoàn toàn có thể chuyển sang chế độ 64-bit thông qua gọi lệnh “CALL 0x33:Address” hoặc “JMP 0x33:Address”. Kỹ thuật này đã được [giới thiệu](#) khá lâu và hiện tại vẫn đang được các mã độc như [GuLoader](#), [Sodinokibi](#) sử dụng rất nhiều, bởi nó cho phép thực hiện inject code vào cả hai tiến trình 64-bit và 32-bit từ một tiến trình 32-bit duy nhất trên môi trường WoW64.



Hình 3: Sơ đồ luồng thực thi của mã độc

Để kiểm tra môi trường thực thi xem có phải 64-bit hay không, mã độc thường gọi hàm API [IsWow64Process](#). Nếu kết quả trả về là TRUE, mã độc sẽ biết được tiến trình 32-bit của nó đang thực thi trên Windows 64 bit.

```
Wow64Process = 0;
hKernel32 = GetModuleHandleW(L"kernel32");
IsWow64Process = GetProcAddress(hKernel32, "IsWow64Process");
if ( !IsWow64Process || (hProcess = GetCurrentProcess(), v8 = IsWow64Process(hProcess, &Wow64Process))
    v8 = Wow64Process;
flag_IsWow64Process = v8;
```

Hình 4: Đoạn mã kiểm tra môi trường thực thi

Dựa vào kết quả trả về, mã độc sẽ đưa ra lựa chọn rẽ nhánh thực hiện tương ứng:

```
proc_id = 0;
if ( flag_IsWow64Process )
{
    do
    {
        v2 = f_inject_64bit_proc(0, lpzCommandLine, &decoded_pe_for_64bit, &proc_id);
        Sleep(0x2BCu);
    }
    while ( !v2 );
    result = proc_id;
}
else
{
    do
    {
        v4 = f_inject_32bit_proc(0, lpzCommandLine, &decoded_pe_for_32bit, &proc_id);
        Sleep(0x2BCu);
    }
    while ( !v4 );
    result = proc_id;
}
```

Hình 5: Mã độc lựa chọn thực hiện inject code dựa vào kết quả kiểm tra môi trường thực thi

Như đã đề cập ở trên, để có thể inject được payload vào tiến trình 64-bit, mã độc cần phải sử dụng các hàm 64-bit tương ứng. Để làm được điều này, mã độc sẽ thực hiện lấy handle của 64-bit ntdll:

```
push    offset str_ntdll_1 ; "ntdll.dll"
movlpd  qword ptr [ebp-20h], xmm0
mov     dword ptr [ebp-520h], 10007h
mov     dword ptr [eax], 0
call    near ptr f_get_ntdll ; heavens gate technique
```

Hình 6: Gọi hàm lấy handle của 64-bit ntdll

Đi sâu vào hàm `f_get_ntdll` để tìm hiểu cách mã độc chuyển sang thực hiện lệnh ở chế độ 64-bit, tại đây mã độc gọi hàm `f_get_PEB64` để lấy địa chỉ của PEB ([Process Environment Block](#)):

```

; int __cdecl f_get_ntdll(LPSTR szntdll)
f_get_ntdll proc far                                     ; CODE XREF: sub_401900+184p
                                                         ; f_inject_64bit_proc+514p

var_40C = dword ptr -40Ch
var_30 = qword ptr -30h
var_10 = qword ptr -10h
var_8 = qword ptr -8
szntdll = dword ptr 0Ch

push    ebp
mov     ebp, esp
sub     esp, 3F4h
push    ebx
push    esi
push    edi
call    near ptr f_get_PEB64

```

Hình 7: Gọi hàm lấy địa chỉ của PEB

PEB là một cấu trúc dữ liệu đặc biệt chứa thông tin mô tả của process. Thông qua PEB, có thể lấy được danh sách các DLLs được nạp cùng process, các tham số khởi động của process, ImageBaseAddress, địa chỉ heap, kiểm tra xem có đang bị debug hay không, tìm địa chỉ base của bất kỳ DLLs nào được nạp, ... Chi tiết mã lệnh tại hàm `f_get_PEB64` áp dụng kỹ thuật Heaven's Gate như sau:

```

.text:00401860 push    ebp
.text:00401861 mov     ebp, esp
.text:00401863 sub     esp, 18h
.text:00401866 push    ebx
.text:00401867 xorps   xmm0, xmm0
.text:0040186A push    esi
.text:0040186B push    edi
.text:0040186C movlpd  [ebp+var_10], xmm0
.text:00401871 movlpd  [ebp+var_8], xmm0
.text:00401876 push    33h ; '3'
.text:00401878 call    $+5
.text:0040187D add     dword ptr [esp], 5
.text:00401881 retf
.text:00401881 f_get_PEB64 endp ; sp-analysis failed
.text:00401882 ; ===== SUBROUTINE =====
.text:00401882 f_get_TEB64 proc far
.text:00401882 var_4 = dword ptr -4
.text:00401882 push    r12 ; push r12 (pointer to TEB64)
.text:00401883 pop     qword ptr ss:[rbp-0x8] ; *(rbp - 8) = TEB64
.text:00401887 call    0x40188C ; call 0x40188C
.text:0040188C mov     dword ptr ss:[rsp+0x4], 0x23 ; segment selector 0x23
.text:00401894 add     dword ptr ss:[rsp], 0xD ; rsp = 0x401899
.text:00401898 retf ; switch back to 32-bit mode
.text:00401898 ; exec code at 0x401899 (in 64-bit mode: 0000002300401899)
.text:00401898 f_get_TEB64 endp ; sp-analysis failed
.text:00401899

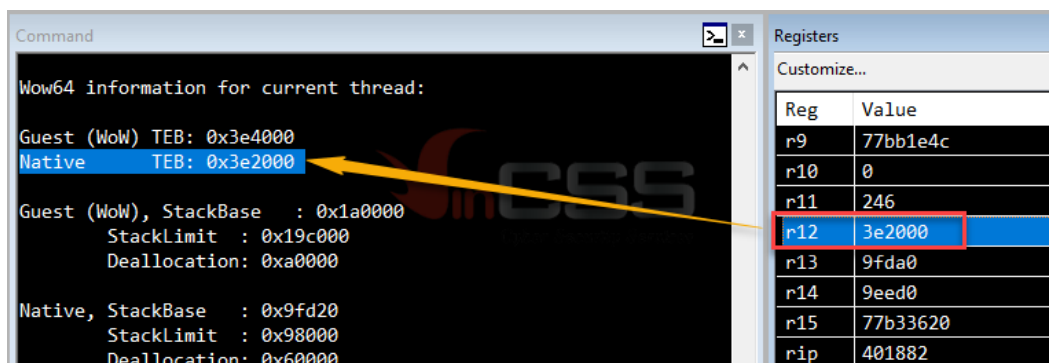
```

Hình 8: Mã độc chuyển sang thực hiện lệnh ở chế độ 64-bit

Như trên hình, segment `0x33` được đẩy lên Stack, sau đó mã độc gọi lệnh `call $+5`, thực chất là một lệnh `call` tới địa chỉ phía dưới (trong trường hợp này là `0x0040187D`). Bằng lệnh `call` này, địa chỉ trở về là `0x0040187D` sẽ nằm ở đỉnh Stack, sau đó được `+5` thành `0x00401882`. Cuối cùng, gọi lệnh `retf`, là một “far return”, nó nhận hai tham số DWORD từ Stack là `segment:address`. Vì vậy, khi `retf` thực thi, nó sẽ tương ứng với lệnh `jmp` với địa chỉ trở về thực tế là `0x33:0x00401882`. Thông qua

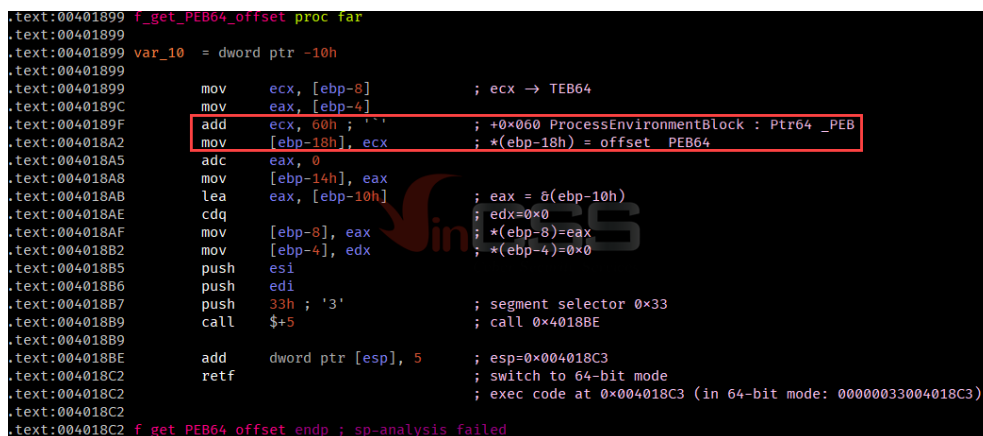
việc thay đổi code segment này, mã lệnh tại địa chỉ được chỉ định là 0x00401882 sẽ được hiểu ở chế độ 64-bit như trên hình.

Các lệnh từ 0x00401882 chịu trách nhiệm gán nội dung của thanh ghi r12 vào một biến trên Stack, sau đó chuyển lại về chế độ 32-bit. Thanh ghi r12 lúc này chính là con trỏ tới cấu trúc [TEB64](#).

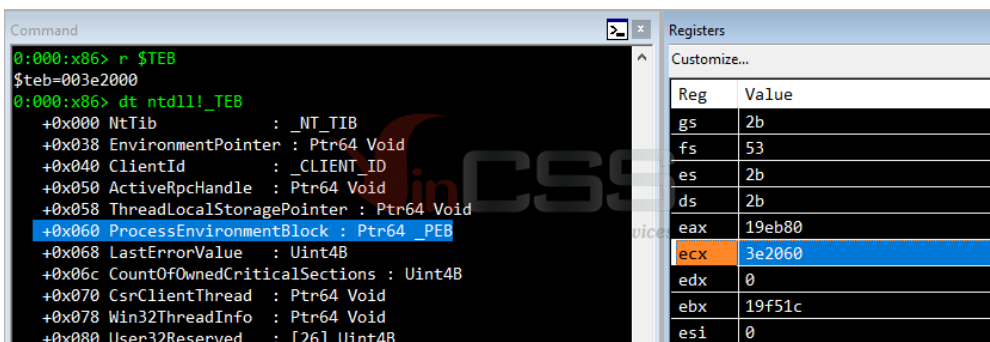


Hình 9: Thanh ghi r12 chứa con trỏ tới cấu trúc PEB64

Lệnh `retf` tại 0x00401898 sẽ chuyển hướng thực thi tới địa chỉ tiếp theo tại 0x00401899 ở chế độ 32-bit, có nhiệm vụ lấy offset tới [PEB64](#) và chuyển sang thực hiện lệnh ở chế độ 64-bit tại địa chỉ tiếp theo là 0x004018C3:



Hình 10: Lấy offset tới PEB64



Hình 11: Giá trị của thanh ghi ecx sau khi thực hiện tới lệnh `retf`.

Đoạn code tiếp theo thực hiện từ địa chỉ 0x004018C3, nhiệm vụ cuối cùng là lấy ra địa chỉ của PEB64 và gán cho cặp thanh ghi `edx:eax`.

```

.text:004018C3 sub_4018C3 proc far
.text:004018C3
.text:004018C3 var_4 = dword ptr -4
.text:004018C3
.text:004018C3 push qword ptr ss:[rbp-0x8]
.text:004018C6 pop rdi ; rdi = 6(rbp-0x10)
.text:004018C7
.text:004018C8 push qword ptr ss:[rbp-0x18]
.text:004018CB pop rsi ; rsi offset _PEB64
.text:004018CC
.text:004018CD push 0x8
.text:004018CF pop rcx ; rcx = 0x8
.text:004018D0
.text:004018D1 rep movsbyte ptr ds:[rdi], byte ptr ds:[rsi] ; copies 8 bytes from rsi to rdi
.text:004018D1 ; *(rdi) -> _PEB64
.text:004018D3 call 0x4018D8
.text:004018D3
.text:004018D8 mov dword ptr ss:[rsp+0x4], 0x23 ; segment selector 0x23
.text:004018E0 add dword ptr ss:[rsp], 0xD
.text:004018E4 retf ; exec code at 0x004018E5 (int 64-bit mdoe: 00000023004018e5)
.text:004018E4 sub_4018C3 endp ; sp-analysis failed
.text:004018E4
.text:004018E5 ; ===== SUBROUTINE =====
.text:004018E5
.text:004018E5 sub_4018E5 proc near
.text:004018E5 pop edi
.text:004018E6 pop esi
.text:004018E7 mov eax, [ebp-10h]
.text:004018EA mov edx, [ebp-0Ch] ; edx:eax -> _PEB64
.text:004018ED pop edi
.text:004018EE pop esi
.text:004018EF pop ebx
.text:004018F0 mov esp, ebp
.text:004018F2 pop ebp
.text:004018F3 retn
.text:004018F3 sub_4018E5 endp ; sp-analysis failed

```

Hình 12: Lấy địa chỉ của PEB64

Kết quả, hai thanh ghi edx:eax sẽ trở tới cấu trúc PEB64.

Command

Wow64 TEB at 0000000000000000

ExceptionList: 0000000000000000

StackBase: 0000000000000000

StackLimit: 0000000000000000

SubSystemTib: 0000000000000000

FiberData: 0000000000000000

ArbitraryUserPointer: 0000000000000000

Self: 0000000000000000

EnvironmentPointer: 0000000000000000

ClientId: 0000000000000000 . 0000000000000000

RpcHandle: 0000000000000000

Tls Storage: 0000000000000000

PEB Address: 0000000000000000

LastErrorValue: 18

LastStatusValue: 0

Count Owned Locks: 0

HardErrorMode: 0

Registers

Customize...

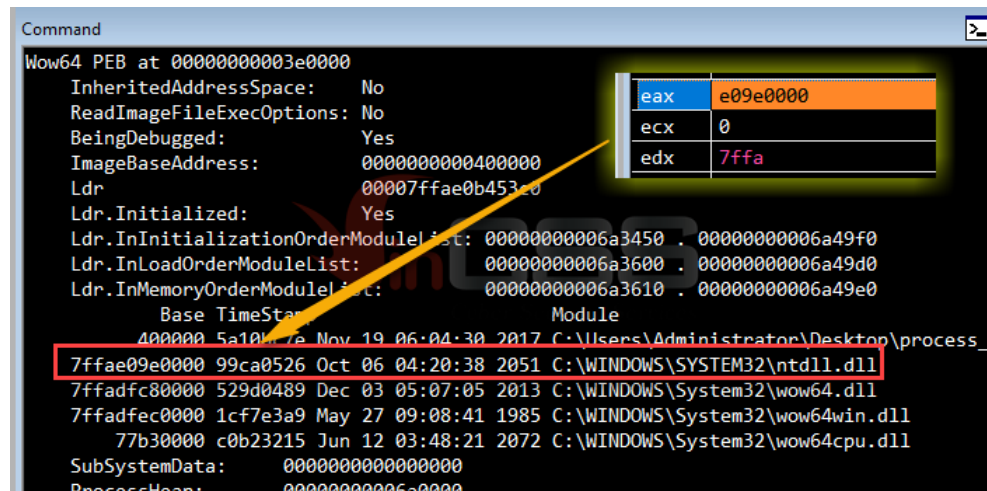
Reg	Value
es	2b
ds	2b
eax	3e0000
ecx	0
edx	0
ebx	19f51c
esi	0
edi	19f960
ebp	19ef98
esp	19eb94
eip	4018f3
cs	23

Hình 13: Cập thanh ghi edx:eax trở tới cấu trúc PEB64

Với việc có được địa chỉ của PEB, mã độc sẽ thực hiện các bước tiếp theo:

- ◆ Lấy offset của Ldr (+0x018 Ldr).
- ◆ Thông qua Ldr có được cấu trúc _PEB_LDR_DATA.
- ◆ Từ _PEB_LDR_DATA lấy offset của InLoadOrderModuleList (+0x010 InLoadOrderModuleList)
- ◆ InLoadOrderModuleList là danh sách này chứa tất cả các DLLs được nạp vào bộ nhớ cùng process. Dựa vào nó, mã độc lấy ra tên của DLL được nạp, so sánh với chuỗi “ntdll.dll”, nếu tìm thấy sẽ trả về địa chỉ base của thư viện ntdll.dll.

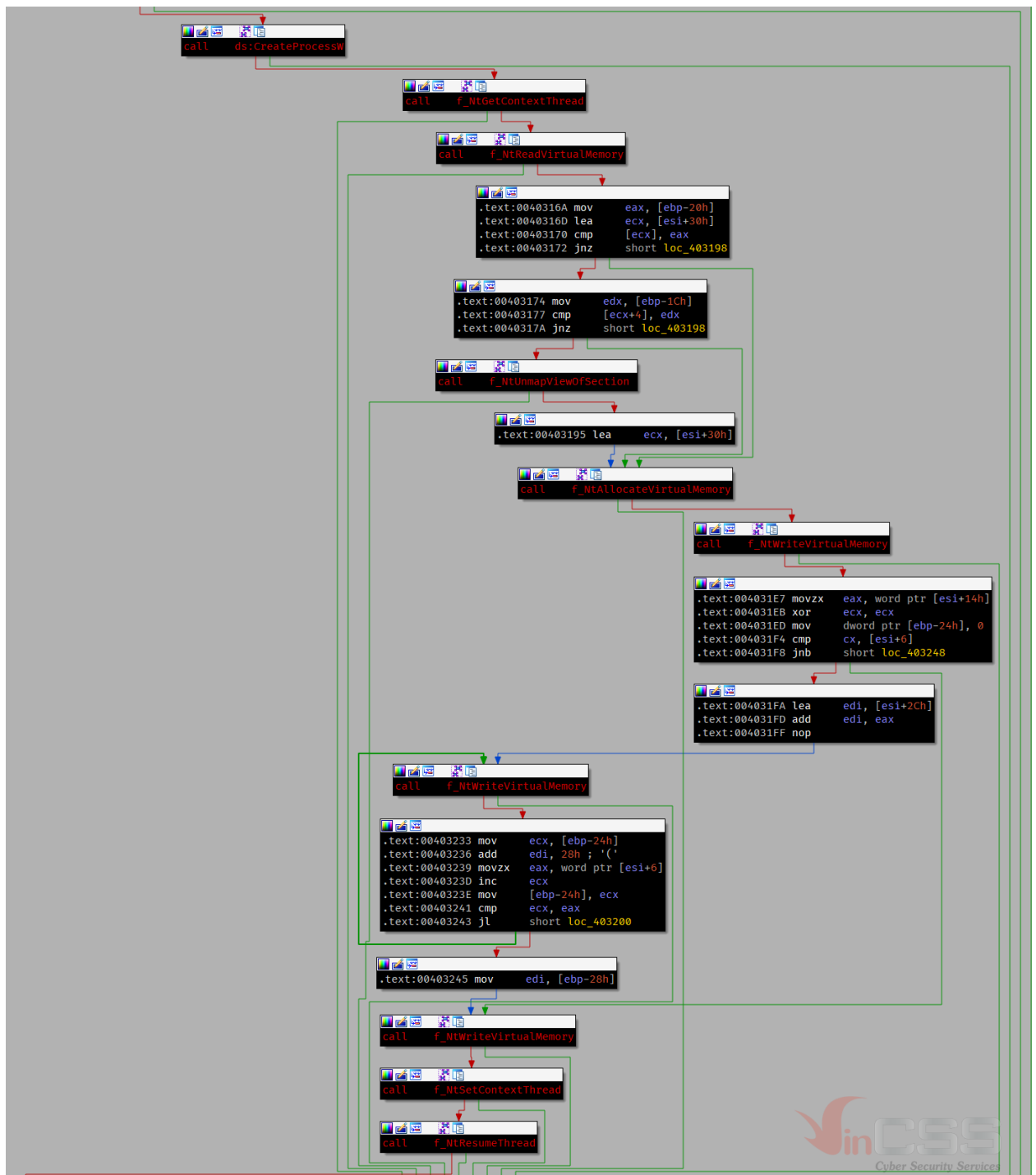
Như vậy, bằng cách áp dụng kỹ thuật Heaven's Gate, mã độc sau khi thực hiện xong hàm `f_get_ntdll` sẽ có được `edx:eax` trở tới địa chỉ base của `ntdll.dll` như hình dưới đây:



Hình 14: Cập thành ghi `edx:eax` trở tới địa chỉ base của `ntdll.dll`

Sau khi có được địa chỉ của `ntdll.dll`, mã độc sẽ sử dụng các hàm native từ thư viện này để thực hiện công việc còn lại là inject payload vào tiến trình 64-bit. Danh sách các hàm thường sử dụng trong kỹ thuật inject bao gồm:

- ◆ `NtGetContextThread`
- ◆ `NtReadVirtualMemory`
- ◆ `NtUnmapViewOfSection`
- ◆ `NtAllocateVirtualMemory`
- ◆ `NtWriteVirtualMemory`
- ◆ `NtSetContextThread`
- ◆ `NtResumeThread`



Hình 15: Luồng code thực hiện inject payload

Kết quả sau khi thực thi toàn bộ đoạn code trên, mã độc đã inject payload thành công vào tiến trình **notepad.exe** 64-bit:

dumped_fix.exe	0.22	1,932 K	5,452 K	2716	32-bit
notepad.exe	0.01	9,348 K	7,192 K	808	64-bit Notepad

Hình 16: Mã độc inject payload thành công vào tiến trình 64-bit

Refs:

<https://docs.microsoft.com/en-us/windows/win32/winprog64/running-32-bit-applications>

<https://www.malwaretech.com/2014/02/the-0x33-segment-selector-heavens-gate.html>

<https://www.geoffchappell.com/studies/windows/win32/ntdll/structs/teb/index.htm>

<https://ntopcode.wordpress.com/2018/02/26/anatomy-of-the-process-environment-block-peb-windows-internals/>